

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 143/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - L hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Cúc

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2022/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh T – Sinh năm: 1978. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Mai Thị L - Sinh năm: 1980. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn - anh Phạm Thanh T trình bày:

Anh và chị L tự tìm hiểu khoảng 01 năm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1997, đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm trong kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc nhau. Anh chị đã L thân từ năm 2003 cho đến nay. Anh T yêu cầu L hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh H1 - sinh năm: 1998. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai - bị đơn chị Mai Thị L trình bày: Chị L xác định lời trình bày

của anh T về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, nay anh T yêu cầu L hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Hiện con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T khởi kiện xin L hôn với chị L. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – L hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Xét thấy, chị L đã nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, sự vắng mặt của chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1997, đến nay anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh T có yêu cầu xin L hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Phạm Thanh T và chị Mai Thị L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị L cùng xác định có 01 đứa con chung tên Phạm Thị Thanh Hằng - sinh năm: 1998. Hiện con đã trưởng thành, anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí L hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003194 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Thanh T và chị Mai Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí L hôn sơ thẩm anh Phạm Thanh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003194 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, anh T được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2022), chị L được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An